**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU 01A/ĐG-KSTT)**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM | ***Biểu mẫu 01A/ĐG-KSTT*** |

**BIỂU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**Tên dự án, dự thảo: Nghị định quy định về trình tự, thủ tục cấp các loại giấy phép cho đơn vị kinh doanh vận tải và phương tiện hoạt động vận chuyển đường bộ qua lại biên giới**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ THẢO** | |
| **1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý?** | đ**) Nội dung 1: Cấp giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Lào cho đơn vị vận tải.**  - Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý: Để tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động vận tải đường bộ qua biên giới Việt Nam - Lào đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa giữa hai nước.  - Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản quy định *(nếu nội dung này đã được quy định/ ban hành)*: Quy định tại Chương III Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải*.*  e) **Nội dung 2: Cấp giấy phép liên vận Việt Nam - Lào cho phương tiện của Việt Nam**  - Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý: Để quản lý phương tiện vận tải của Việt Nam qua lại biên giới giữa hai nước và hoạt động tại Lào.  - Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản quy định *(nếu nội dung này đã được quy định/ ban hành)*: Quy định tại Chương IV Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải*.*  f) **Nội dung 3: Gia hạn giấy phép liên vận Lào - Việt Nam cho phương tiện của Lào**  - Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý: Để quản lý phương tiện vận tải của Lào hoạt động quá thời gian quy định tại Việt Nam do các nguyên nhân bất khả kháng: thiên tai, tai nạn, hỏng không sửa chữa kịp.  - Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản quy định *(nếu nội dung này đã được quy định/ ban hành)*: Quy định tại Điều 16 Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải*.*  **g) Nội dung 4: Cấp lại giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Lào cho đơn vị vận tải.**  - Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý: Để phục vụ cho doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa giưa hai nước có nhu cầu cấp lại Giấy phép do thay đổi nội dung giấy phép hoặc mất, hỏng giấy phép.  - Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản quy định *(nếu nội dung này đã được quy định/ ban hành)*: Quy định tại Chương III Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải |
| **2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?** | **đ) Nội dung 1: Cấp giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Lào cho đơn vị vận tải.**  - Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý: Để tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động vận tải đường bộ qua biên giới Việt Nam - Lào đối với các đơn doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa giưa hai nước.  - Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản quy định *(nếu nội dung này đã được quy định/ ban hành)*: Quy định tại Chương III Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải*.*  e) **Nội dung 2: Cấp giấy phép liên vận Việt Nam - Lào cho phương tiện của Việt Nam**  - Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý: Để quản lý phương tiện vận tải của Việt Nam qua lại biên giới giữa hai nước và hoạt động tại Lào.  - Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản quy định *(nếu nội dung này đã được quy định/ ban hành)*: Quy định tại Chương IV Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải*.*  f) **Nội dung 3: Gia hạn giấy phép liên vận Lào - Việt Nam cho phương tiện của Lào**  - Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý: Để quản lý phương tiện vận tải của Lào hoạt động quá thời gian quy định tại Việt Nam do các nguyên nhân bất khả kháng: thiên tai, tai nạn, hỏng không sửa chữa kịp.  - Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản quy định *(nếu nội dung này đã được quy định/ ban hành)*: Quy định tại Điều 16 Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải*.*  **g) Nội dung 4: Cấp lại giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Lào cho đơn vị vận tải.**  - Để phục vụ cho doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa giưa hai nước có nhu cầu cấp lại Giấy phép do thay đổi nội dung giấy phép hoặc mất, hỏng giấy phép.  - Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản quy định *(nếu nội dung này đã được quy định/ ban hành)*: Quy định tại Chương III Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải*.* |
| **3. Những biện pháp có thể sử dụng để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước; bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức nêu trên?** | Tên TTHC 1: **Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Lào cho đơn vị vận tải**  (i) TTHC được: Quy định mới  Sửa đổi, bổ sung  Thay thế TTHC khác  (ii) Có thể quy định hình thức đơn giản hơn đối với TTHC này không? Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: Quy định đầy đủ, rõ ràng.  ***- Sử dụng các biện pháp khác không phải bằng quy định TTHC:***  + Biện pháp 1: ……………………………………………….……………………………………….  + Biện pháp n: ………………………………………………………………………………………..  Tên TTHC 2: **Cấp giấy phép liên vận Việt Nam - Lào cho phương tiện của Việt Nam**  (i) TTHC được: Quy định mới  Sửa đổi, bổ sung  Thay thế TTHC khác  (ii) Có thể quy định hình thức đơn giản hơn đối với TTHC này không? Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: Quy định đầy đủ, rõ ràng.  ***- Sử dụng các biện pháp khác không phải bằng quy định TTHC:***  + Biện pháp 1: ……………………………………………….……………………………………….  + Biện pháp n: ………………………………………………………………………………………..  Tên TTHC 3: **Gia hạn giấy phép liên vận Lào - Việt Nam cho phương tiện của Lào**  (i) TTHC được: Quy định mới  Sửa đổi, bổ sung  Thay thế TTHC khác  (ii) Có thể quy định hình thức đơn giản hơn đối với TTHC này không? Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: Quy định đầy đủ, rõ ràng.  ***- Sử dụng các biện pháp khác không phải bằng quy định TTHC:***  + Biện pháp 1: ……………………………………………….……………………………………….  + Biện pháp n: ………………………………………………………………………………………..**, Tên TTHC 4: Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Lào cho đơn vị vận tải**  (i) TTHC được: Quy định mới  Sửa đổi, bổ sung  Thay thế TTHC khác  (ii) Có thể quy định hình thức đơn giản hơn đối với TTHC này không? Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: Quy định đầy đủ, rõ ràng.  ***- Sử dụng các biện pháp khác không phải bằng quy định TTHC:***  + Biện pháp 1: ……………………………………………….……………………………………….  + Biện pháp n: ……………………………………………………………………………………….. |
| **4. Lý do lựa chọn biện pháp quy định TTHC** | **- TTHC 1: Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Lào cho đơn vị vận tải.**  + Lý do *(nếu được sửa đổi, bổ sung, thay thế TTHC khác đề nghị nêu rõ ưu điểm so với TTHC hiện hành)*:  + Lý do không lựa chọn biện pháp khác: Quy định như trong dự thảo Nghị định đã đầy đủ, rõ ràng.  **- TTHC 2: Cấp giấy phép liên vận Việt Nam - Lào cho phương tiện của Việt Nam**  + Lý do *(nếu được sửa đổi, bổ sung, thay thế TTHC khác đề nghị nêu rõ ưu điểm so với TTHC hiện hành)*:  + Lý do không lựa chọn biện pháp khác: Quy định như trong dự thảo Nghị định đã đầy đủ, rõ ràng.  f) **Nội dung 3: Gia hạn giấy phép liên vận Lào - Việt Nam cho phương tiện của Lào**  + Lý do *(nếu được sửa đổi, bổ sung, thay thế TTHC khác đề nghị nêu rõ ưu điểm so với TTHC hiện hành)*:  + Lý do không lựa chọn biện pháp khác: Quy định như trong dự thảo Nghị định đã đầy đủ, rõ ràng.  **g) Nội dung 4: Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Lào cho đơn vị vận tải.**  + Lý do *(nếu được sửa đổi, bổ sung, thay thế TTHC khác đề nghị nêu rõ ưu điểm so với TTHC hiện hành)*:  + Lý do không lựa chọn biện pháp khác: Quy định như trong dự thảo Nghị định đã đầy đủ, rõ ràng. |
| **II. ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA TỪNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  *(Cơ quan chủ trì soạn thảo sử dụng Phần II Biểu 01A/ĐG-KSTT để đánh giá đối với từng TTHC dự kiến quy định tại dự án, dự thảo)* | |

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1**:

**Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Lào cho đơn vị vận tải.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Tên thủ tục hành chính** | | | | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể không? | | | | Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: …………………………...…………………………… | | | |
| b) Có chính xác và thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính này không? | | | | Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: …………………...…………………………………… | | | |
| **2. Trình tự thực hiện** | | | | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | | | | Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………… | | | |
| b) Có được quy định hợp lý giữa các bước thực hiện để tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện? | | | | Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………… | | | |
| c) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | | | | Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………… | | | |
| d) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | | | | Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………… | | | |
| e) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | | | | Có  Không  Nếu CÓ, nêu rõ:  - Lý do quy định:………………………………………………………………………  - Căn cứ quy định:  + Được quy định mới tại dự án, dự thảo  + Đã được quy định tại văn bản khác  Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: ……………………………………......  - Các biện pháp có thể thay thế: Có  Không  Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: …………………………… | | | |
| **3. Cách thức thực hiện** | | | | | | | |
| a) Nộp hồ sơ:  Trực tiếp  Bưu điện  Mạng  b) Nhận kết quả:  Trực tiếp  Bưu điện  Mạng | | | | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có  Không  Nêu rõ lý do:………………………………………………………………………..…  - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước,  cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có  Không  Nêu rõ lý do:………………………………………………………………………… | | | |
| **4. Hồ sơ** | | | | | | | |
| a) Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Lào của doanh nghiệp, hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục… | | | | - Nêu rõ lý do quy định: căn cứ nhu cầu vận chuyển hành khách, hàng hóa của các doanh nghiệp, hợp tác xã. Do đó, phải có đề xuất để làm căn cứ cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Lào.  - Yêu cầu, quy cách: theo mẫu quy định tại Phụ lục ...  Lý do quy định: Để chứng minh doanh nghiệp, hợp tác xã có nhu cầu được cấp phép | | | |
| b) Bản sao Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; | | | | - Nêu rõ lý do quy định: Hiện các doanh nghiệp, hợp tác xã phải có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô mới được phép kinh doanh vận tải.  - Yêu cầu, quy cách: Bản sao Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô  Lý do quy định: Để chứng minh doanh nghiệp, hợp tác xã được phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. | | | |
| c) Phương án kinh doanh vận tải liện vận Việt Nam – Lào theo mẫu quy định tại Phụ lục ... | | | | - Nêu rõ lý do quy định: Để đảm bảo doanh nghiệp, hợp tác xã có đủ nguồn lực thực hiện hoạt động vận tải liên vận sau khi được cấp giấy phép.  - Yêu cầu, quy cách: Theo mẫu quy định tại Phụ lục ... | | | |
| Các thành phần hồ sơ nêu trên có bao gồm đầy đủ các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC không? | | | | Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: …………………...............………………………………  ……………………………………..…………………………………………………. | | | |
| Số lượng bộ hồ sơ: 01 | | | | Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):* ……………………………………… | | | |
| **5. Thời hạn giải quyết** | | | | | | | |
|  | - Có được quy định rõ ràng và cụ thể không? Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………...…………………………………………………………  - Thời hạn: 02 ngày làm việc  *(Nêu rõ từng thời hạn nếu TTHC do nhiều cơ quan, nhiều cấp có thẩm quyền giải quyết)*  Nêu rõ lý do: ………………..…………………………………………………………………… | | | | | | |
| **6. Cơ quan thực hiện** | | | | | | | |
|  | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan thực hiện không? Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………….…………………  - Có được quy định áp dụng tối đa các giải pháp phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan hành chính cấp dưới hoặc địa phương giải quyết không? Có  Không  Nêu rõ lý do: Để quản lý, trao đổi thông tin với cơ quan quản lý của Lào về số lượng đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trên địa bàn cả nước được hoạt động qua lại biên giới giũa Việt Nam và Lào. | | | | | | |
| **7. Đối tượng thực hiện** | | | | | | | |
| a) Đối tượng thực hiện:  - Tổ chức: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ: ……………………………………..  - Cá nhân: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ: ……………………………………..  b) Phạm vi áp dụng:  - Toàn quốc  Vùng  Địa phương  - Nông thôn  Đô thị  Miền núi  Biên giới, hải đảo  c) Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 300 | | | | | | - Lý do quy định:  + Về đối tượng: các doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào  + Về phạm vi: Trong toàn quốc.  - Có thể mở rộng/thu hẹp đối tượng, phạm vi để tăng số đối tượng thực hiện được hưởng lợi không?: Có  Không  Nêu rõ lý do: Vì đã được quy định tại Hiệp địnhvà Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. | |
| **8. Phí, lệ phí** | | | | | | | |
| a) TTHC có quy định về phí, lệ phí không?  - Phí: Không  Có  Nếu CÓ, nêu rõ lý do: ………………………..…  ………………………………………………….  - Lệ phí: Không  Có  Nếu CÓ, nêu rõ lý do: | | | | | | | - Mức phí, lệ phí:  + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): …………………………..……….  + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí):  + Mức phí, lệ phí có phù hợp không: Có  Không  Lý do: ………………………………………………..…………………  - Mức phí, lệ phí được quy định tại:  + Dự án, dự thảo  + Văn bản khác  (i) Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:  (ii) Nếu chưa ban hành, nêu rõ lý do: ………………….……………… |
| b) Ngoài phí, lệ phí cá nhân, tổ chức có các chi trả nào khác? Không  Có  Nếu CÓ, nội dung này được quy định tại:  - Dự thảo  - Văn bản khác  Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:…. | | | | | | | - Nội dung chi trả: ………………………..……………………………  Lý do chi trả: ……………………………………………….………….  - Mức chi trả: ………………………………………………….…………  Mức chi trả này có phù hợp không: Có  Không  Lý do: …………………………………………………………………… |
| c) Dự kiến chi phí tuân thủ TTHC: | | | | | | | Mức chi phí này có phù hợp không: Có  Không  Lý do:…………………………………………………………………… |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | | | | | | | |
| TTHC có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | | | | | | Có  Không  - Nếu CÓ, quy định về: Mẫu đơn  Tờ khai  - Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: đây là thành phần hồ sơ. | |
| a) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không?  Có  Không  Nếu CÓ, nêu rõ:  - Lý do  - Có quy định rõ cơ quan nhà nước hay người có thẩm quyền và nội dung xác nhận không?  Có  Không  Nêu rõ lý do: Quy định đã rõ ràng, đầy đủ. | | | | | | Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  - Nội dung thông tin 1:  Lý do quy định:  - Nội dung thông tin 2:  Lý do quy định: | |
| b) Tên mẫu đơn, tờ khai: ....................................  *(trình bày như trên, nếu có)* | | | | | |  | |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** | | | | | | | |
| TTHC này có quy định yêu cầu, điều kiện không? | | | | | | Không  Có | |
| a) Yêu cầu, điều kiện 1: Là doanh nghiệp, Hợp tác xã đã được cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô  Lý do quy định: Vì kinh doanh vận tải bằng xe ô tô là hoạt động kinh doanh có điều kiện vcaf được cấp giấy phép kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam | | | | | - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một TTHC khác  + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước  - Những ảnh hưởng khi thực hiện yêu cầu, điều kiện:  + Tăng chi phí (thời gian, nhân lực, tài chính)  Nêu rõ:……………………………………………………………………………  + Phân biệt đối tượng giữa các vùng, miền, khu vực, trong nước, quốc tế  Nêu rõ:………………………………….………………………………………  + Hạn chế một số đối tượng  Nêu rõ: …………………………………………………………………………..  + Khác  Nêu rõ: …………………………………………………………………………..  - Yêu cầu, điều kiện được quy định tại:  + Dự án, dự thảo  + Văn bản QPPL khác  Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: | | |
| b) Yêu cầu, điều kiện n:  *(trình bày như trên, nếu có)* | | | | |  | | |
| **11. Kết quả** | | | | | | | |
| - Giấy phép  - Giấy chứng nhận  - Giấy đăng ký  - Chứng chỉ  - Thẻ  - Quyết định hành chính  - Văn bản xác nhận/chấp thuận  - Loại khác:  Đề nghị nêu rõ: ………………… | | | - Có quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực: Có  Không  + Nếu CÓ, nêu thời hạn cụ thể: 05 năm kể từ ngày cấp giấy phép.  + Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:……………………………………………….…………..  - Phạm vi có giá trị hiệu lực: Toàn quốc  Địa phương  Lý do:…………………………………………………………………………………..  - Có thể kéo dài thời hạn/ thay đổi phạm vi giá trị hiệu lực: Có  Không  Lý do: Khi hết thời hạn hoặc thay đổi phạm vi giá trị hiệu lực thì đoan vị kinh doanh vận tải đề nghị xin cấp lại giấy phép khác.  - Có quy định điều kiện có hiệu lực của kết quả: Có  Không  Lý do:…………………………………………………………………………………..  - Mẫu kết quả TTHC có phù hợp về nội dung, hình thức: Có  Không  Lý do:…………………………………………………………………….…………….. | | | | |
| **12. Quy định về từng bộ phận cấu thành của TTHC có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?** | | | | | | | |
| a) Với văn bản của cơ quan cấp trên | | - Có  Không  - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận cấu thành: ……………………………………………………………………….  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: …. | | | | | |
| b) Với văn bản của cơ quan khác | | Có  Không  - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận cấu thành: …………………………………………………………………….  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ………... | | | | | |
| c) Với Điều ước quốc tế mà Việt Nam gia nhập, ký kết | | Có  Không  - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận cấu thành: ……………………………………………………………………….  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ….. | | | | | |
| **III. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | | | | | | | |
| Họ và tên người điền: Hoàng Thị Thanh Nga  Điện thoại cố định: 024.38571450; Di động: 0982318676; Email: [ngahttt.drvn@mt.gov.vn](mailto:ngahttt.drvn@mt.gov.vn) hoặc thanhngadrvn@gmail.com | | | | | | | |

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 2**:

**Cấp Giấy phép liện vận Việt Nam – Lào cho phương tiện**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Tên thủ tục hành chính** | | | | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể không? | | | | Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: …………………………...…………………………… | | | |
| b) Có chính xác và thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính này không? | | | | Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: …………………...…………………………………… | | | |
| **2. Trình tự thực hiện** | | | | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | | | | Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………… | | | |
| b) Có được quy định hợp lý giữa các bước thực hiện để tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện? | | | | Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………… | | | |
| c) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | | | | Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………… | | | |
| d) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | | | | Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………… | | | |
| e) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | | | | Có  Không  Nếu CÓ, nêu rõ:  - Lý do quy định:………………………………………………………………………  - Căn cứ quy định:  + Được quy định mới tại dự án, dự thảo  + Đã được quy định tại văn bản khác  Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: ……………………………………......  - Các biện pháp có thể thay thế: Có  Không  Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: …………………………… | | | |
| **3. Cách thức thực hiện** | | | | | | | |
| a) Nộp hồ sơ:  Trực tiếp  Bưu điện  Mạng  b) Nhận kết quả:  Trực tiếp  Bưu điện  Mạng | | | | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có  Không  Nêu rõ lý do:………………………………………………………………………..…  - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước,  cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có  Không  Nêu rõ lý do:………………………………………………………………………… | | | |
| **4. Hồ sơ** | | | | | | | |
| a) Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt Nam – Lào cho phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục … | | | | - Nêu rõ lý do quy định: căn cứ nhu cầu đi lại qua biên giới Việt Nam – Lào của tổ chức, cá nhân. Do đó, phải có đề xuất để làm căn cứ cấp Giấy phép liên vận Việt Nam – Lào cho phương tiện.  - Yêu cầu, quy cách: theo mẫu quy định tại Phụ lục ...  Lý do quy định: Để chứng minh tổ chức, cá nhân có nhu cầu được cấp phép | | | |
| b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Lào của đơn vị vận tải đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải; | | | | Nêu rõ lý do quy định: Thực hiện quy định các phương tiện thuộc quyền sử dụng hợp pháp của các doanh nghiệp, hợp tác xã đã được cấp giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Lào thì được Giấy phép liên vận Việt Nam – Lào cho phương tiện vận tải  - Yêu cầu, quy cách: Bản sao Giấy phép vận tải đường bộ Quốc tế Việt Nam – Lào.  Lý do quy định: Để chứng minh doanh nghiệp, hợp tác xã được phép kinh doanh vận tải đường bộ Quốc tế Việt Nam – Lào. | | | |
| c) Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh. | | | | Nêu rõ lý do quy định: Để chứng minh các phương tiện thuộc quyền sử dụng hợp pháp của các tổ chức, cá nhân  - Yêu cầu, quy cách: Bản sao Giấy đăng ký xe ô tô  - Lý do quy định: Để chứng minh phương tiện thuộc quyền sở hữu hợp pháp của tổ chức, cá nhân. | | | |
| d) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; | | | | - Nêu rõ lý do quy định: Để chứng minh phương tiện khi tham gia giao thông đủ điều kiện an toàn kỹ thuật và bảo vệ mội trường.  - Yêu cầu, quy cách: Bản sao giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường | | | |
| đ) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới đối với bên thứ ba. | | | | - Nêu rõ lý do quy định: Để chứng minh phương tiện khi tham gia giao thông có bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới đối với bên thứ ba.  - Yêu cầu, quy cách: Bản sao giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới đối với bên thứ ba. | | | |
| e) Văn bản cử đi Lào đối với cơ quan của Đảng, Chính phủ, và các tổ chức phi Chính phủ | | | | - Nêu rõ lý do quy định: Để chứng minh tổ chức có nhu cầu đưa phương tiện sang Lào phục vụ mục đích của tổ chức  - Yêu cầu, quy cách: Bản chính hoặc bản sao văn bản kèm bản chính để đối chiếu. | | | |
| f) Hợp đồng hợp tác kinh doanh với đối tác Lào đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào | | | | - Nêu rõ lý do quy định: Để chứng minh doanh nghiệp, hợp tác xã có thực hiện các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh tại Lào.  - Yêu cầu, quy cách: Bản tiếng Việt hoặc dịch sang tiếng Việt của cơ quan có thẩm quyền. | | | |
| Các thành phần hồ sơ nêu trên có bao gồm đầy đủ các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC không? | | | | Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: …………………...............………………………………  ……………………………………..…………………………………………………. | | | |
|  | | | |  | | | |
|  | | | |  | | | |
|  | | | |  | | | |
| Số lượng bộ hồ sơ: 01 | | | | Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):* ……………………………………… | | | |
| **5. Thời hạn giải quyết** | | | | | | | |
|  | - Có được quy định rõ ràng và cụ thể không? Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………...…………………………………………………………  - Thời hạn: 02 ngày làm việc  *(Nêu rõ từng thời hạn nếu TTHC do nhiều cơ quan, nhiều cấp có thẩm quyền giải quyết)*  Nêu rõ lý do: ………………..…………………………………………………………………… | | | | | | |
| **6. Cơ quan thực hiện** | | | | | | | |
|  | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan thực hiện không? Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………….…………………  - Có được quy định áp dụng tối đa các giải pháp phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan hành chính cấp dưới hoặc địa phương giải quyết không? Có  Không  Nêu rõ lý do:……………………………………………………………………………………… | | | | | | |
| **7. Đối tượng thực hiện** | | | | | | | |
| a) Đối tượng thực hiện:  - Tổ chức: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ: ……………………………………..  - Cá nhân: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ: ……………………………………..  b) Phạm vi áp dụng:  - Toàn quốc  Vùng  Địa phương  - Nông thôn  Đô thị  Miền núi  Biên giới, hải đảo  c) Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 13.000.000 | | | | | | - Lý do quy định:  + Về đối tượng: các tổ chức và cá nhân có nhu cầu  + Về phạm vi: Trong toàn quốc.  - Có thể mở rộng/thu hẹp đối tượng, phạm vi để tăng số đối tượng thực hiện được hưởng lợi không?: Có  Không  Nêu rõ lý do: Vì đã mở rộng đến toàn bộ các đối tượng | |
| **8. Phí, lệ phí** | | | | | | | |
| a) TTHC có quy định về phí, lệ phí không?  - Phí: Không  Có  Nếu CÓ, nêu rõ lý do: ………………………..…  ………………………………………………….  - Lệ phí: Không  Có  Nếu CÓ, nêu rõ lý do: | | | | | | | - Mức phí, lệ phí:  + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): …………………………..……….  + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí):  + Mức phí, lệ phí có phù hợp không: Có  Không  Lý do: ………………………………………………..…………………  - Mức phí, lệ phí được quy định tại:  + Dự án, dự thảo  + Văn bản khác  (i) Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:  (ii) Nếu chưa ban hành, nêu rõ lý do: ………………….……………… |
| b) Ngoài phí, lệ phí cá nhân, tổ chức có các chi trả nào khác? Không  Có  Nếu CÓ, nội dung này được quy định tại:  - Dự thảo  - Văn bản khác  Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:…. | | | | | | | - Nội dung chi trả: ………………………..……………………………  Lý do chi trả: ……………………………………………….………….  - Mức chi trả: ………………………………………………….…………  Mức chi trả này có phù hợp không: Có  Không  Lý do: …………………………………………………………………… |
| c) Dự kiến chi phí tuân thủ TTHC: | | | | | | | Mức chi phí này có phù hợp không: Có  Không  Lý do:…………………………………………………………………… |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | | | | | | | |
| TTHC có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | | | | | | Có  Không  - Nếu CÓ, quy định về: Mẫu đơn  Tờ khai  - Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: | |
| a) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không?  Có  Không  Nếu CÓ, nêu rõ:  - Lý do  - Có quy định rõ cơ quan nhà nước hay người có thẩm quyền và nội dung xác nhận không?  Có  Không  Nêu rõ lý do: Quy định đã rõ ràng, đầy đủ. | | | | | | Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  - Nội dung thông tin 1: Tên người đề nghị cấp phép; biển kiểm soát, kiểu loại, màu sơn, số khung, số máy của phương tiện.  Lý do quy định: Ghi vào Giấy phép  - Nội dung thông tin 2: Hoạt động thương mại hoặc phi thương mại  Lý do quy định: | |
| b) Tên mẫu đơn, tờ khai n: ....................................  *(trình bày như trên, nếu có)* | | | | | |  | |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** | | | | | | | |
| TTHC này có quy định yêu cầu, điều kiện không? | | | | | | Không  Có | |
| a) Yêu cầu, điều kiện 1:  Lý do quy định: | | | | | - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một TTHC khác  + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước  - Những ảnh hưởng khi thực hiện yêu cầu, điều kiện:  + Tăng chi phí (thời gian, nhân lực, tài chính)  Nêu rõ:……………………………………………………………………………  + Phân biệt đối tượng giữa các vùng, miền, khu vực, trong nước, quốc tế  Nêu rõ:………………………………….………………………………………  + Hạn chế một số đối tượng  Nêu rõ: …………………………………………………………………………..  + Khác  Nêu rõ: …………………………………………………………………………..  - Yêu cầu, điều kiện được quy định tại:  + Dự án, dự thảo  + Văn bản QPPL khác  Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: | | |
| b) Yêu cầu, điều kiện n:  *(trình bày như trên, nếu có)* | | | | |  | | |
| **11. Kết quả** | | | | | | | |
| - Giấy phép  - Giấy chứng nhận  - Giấy đăng ký  - Chứng chỉ  - Thẻ  - Quyết định hành chính  - Văn bản xác nhận/chấp thuận  - Loại khác:  Đề nghị nêu rõ: ………………… | | | - Có quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực: Có  Không  + Nếu CÓ, nêu thời hạn cụ thể: theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân nhưng không quá 01 tháng kể từ ngày cấp giấy phép; đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hoặc có dự án, công trình tại Lào thì khống quá 12 thánh kể từ ngày cấp giấy phép.  + Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:……………………………………………….…………..  - Phạm vi có giá trị hiệu lực: Toàn quốc  Địa phương  Lý do:…………………………………………………………………………………..  - Có thể kéo dài thời hạn/ thay đổi phạm vi giá trị hiệu lực: Có  Không  Lý do:…………………………………………………………………………………..  - Có quy định điều kiện có hiệu lực của kết quả: Có  Không  Lý do:…………………………………………………………………………………..  - Mẫu kết quả TTHC có phù hợp về nội dung, hình thức: Có  Không  Lý do:…………………………………………………………………….…………….. | | | | |
| **12. Quy định về từng bộ phận cấu thành của TTHC có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?** | | | | | | | |
| a) Với văn bản của cơ quan cấp trên | | - Có  Không  - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận cấu thành: ……………………………………………………………………….  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: …. | | | | | |
| b) Với văn bản của cơ quan khác | | Có  Không  - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận cấu thành: …………………………………………………………………….  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ………... | | | | | |
| c) Với Điều ước quốc tế mà Việt Nam gia nhập, ký kết | | Có  Không  - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận cấu thành: ……………………………………………………………………….  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ….. | | | | | |
| **III. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | | | | | | | |
| Họ và tên người điền: Hoàng Thị Thanh Nga  Điện thoại cố định: 024.38571450; Di động: 0982318676; Email: [ngahttt.drvn@mt.gov.vn](mailto:ngahttt.drvn@mt.gov.vn) hoặc thanhngadrvn@gmail.com | | | | | | | |

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 3**:

**Gia hạn Giấy phép vận tải liên vận Lào - Việt Nam cho phương tiện của Lào**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Tên thủ tục hành chính** | | | | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể không? | | | | Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: …………………………...…………………………… | | | |
| b) Có chính xác và thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính này không? | | | | Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: …………………...…………………………………… | | | |
| **2. Trình tự thực hiện** | | | | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | | | | Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………… | | | |
| b) Có được quy định hợp lý giữa các bước thực hiện để tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện? | | | | Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………… | | | |
| c) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | | | | Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………… | | | |
| d) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | | | | Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………… | | | |
| e) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | | | | Có  Không  Nếu CÓ, nêu rõ:  - Lý do quy định:………………………………………………………………………  - Căn cứ quy định:  + Được quy định mới tại dự án, dự thảo  + Đã được quy định tại văn bản khác  Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: ……………………………………......  - Các biện pháp có thể thay thế: Có  Không  Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: …………………………… | | | |
| **3. Cách thức thực hiện** | | | | | | | |
| a) Nộp hồ sơ:  Trực tiếp  Bưu điện  Mạng  b) Nhận kết quả:  Trực tiếp  Bưu điện  Mạng | | | | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có  Không  Nêu rõ lý do:………………………………………………………………………..…  - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước,  cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có  Không  Nêu rõ lý do:………………………………………………………………………… | | | |
| **4. Hồ sơ** | | | | | | | |
| a) Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận Lào – Việt nam của tổ chức, cá nhân đã được Lào cấp giấy phép liên vận Lào - Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục … của Dự thảo Nghị định này | | | | - Nêu rõ lý do quy định: Căn cứ nhu cầu gia hạn giấy phép của các tổ chức, cá nhân có nhu cầu gia hạn giấy phép liên vận Lào – Việt Nam do các lý do bất khả kháng. Do đó, phải có đề xuất để làm căn cứ gia hạn Giấy phép liên vận Lào – Việt Nam.  - Yêu cầu, quy cách: theo mẫu quy định tại Phụ lục ... | | | |
| b) Giấy phép liên vận Lào – Việt Nam cần gia hạn | | | | - Nêu rõ lý do quy định: Để cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc gia hạn trên giấy phép liên vận Lào - Việt Nam.  - Yêu cầu, quy cách: Giấy phép liên vận Lào - Việt Nam. | | | |
| Các thành phần hồ sơ nêu trên có bao gồm đầy đủ các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC không? | | | | Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: …………………...............………………………………  ……………………………………..…………………………………………………. | | | |
| Số lượng bộ hồ sơ: 01 | | | | Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):* ……………………………………… | | | |
| **5. Thời hạn giải quyết** | | | | | | | |
|  | - Có được quy định rõ ràng và cụ thể không? Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………...…………………………………………………………  - Thời hạn: 01 ngày làm việc  *(Nêu rõ từng thời hạn nếu TTHC do nhiều cơ quan, nhiều cấp có thẩm quyền giải quyết)*  Nêu rõ lý do: ………………..…………………………………………………………………… | | | | | | |
| **6. Cơ quan thực hiện** | | | | | | | |
|  | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan thực hiện không? Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………….…………………  - Có được quy định áp dụng tối đa các giải pháp phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan hành chính cấp dưới hoặc địa phương giải quyết không? Có  Không  Nêu rõ lý do: | | | | | | |
| **7. Đối tượng thực hiện** | | | | | | | |
| a) Đối tượng thực hiện:  - Tổ chức: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ: ……………………………………..  - Cá nhân: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ: ……………………………………..  b) Phạm vi áp dụng:  - Toàn quốc  Vùng  Địa phương  - Nông thôn  Đô thị  Miền núi  Biên giới, hải đảo  c) Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm:  1.000 | | | | | | - Lý do quy định:  + Về đối tượng: Tổ chức, cá nhân của Lào đang hoạt động trên Lãnh thổ Việt nam.  + Về phạm vi: Trong toàn quốc.  - Có thể mở rộng/thu hẹp đối tượng, phạm vi để tăng số đối tượng thực hiện được hưởng lợi không?: Có  Không  Nêu rõ lý do: Vì đã được quy định tại Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. | |
| **8. Phí, lệ phí** | | | | | | | |
| a) TTHC có quy định về phí, lệ phí không?  - Phí: Không  Có  Nếu CÓ, nêu rõ lý do: ………………………..…  ………………………………………………….  - Lệ phí: Không  Có  Nếu CÓ, nêu rõ lý do: | | | | | | | - Mức phí, lệ phí:  + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): …………………………..……….  + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí):  + Mức phí, lệ phí có phù hợp không: Có  Không  Lý do: ………………………………………………..…………………  - Mức phí, lệ phí được quy định tại:  + Dự án, dự thảo  + Văn bản khác  (i) Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:  (ii) Nếu chưa ban hành, nêu rõ lý do: ………………….……………… |
| b) Ngoài phí, lệ phí cá nhân, tổ chức có các chi trả nào khác? Không  Có  Nếu CÓ, nội dung này được quy định tại:  - Dự thảo  - Văn bản khác  Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:…. | | | | | | | - Nội dung chi trả: ………………………..……………………………  Lý do chi trả: ……………………………………………….………….  - Mức chi trả: ………………………………………………….…………  Mức chi trả này có phù hợp không: Có  Không  Lý do: …………………………………………………………………… |
| c) Dự kiến chi phí tuân thủ TTHC: | | | | | | | Mức chi phí này có phù hợp không: Có  Không  Lý do:…………………………………………………………………… |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | | | | | | | |
| TTHC có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | | | | | | Có  Không  - Nếu CÓ, quy định về: Mẫu đơn  Tờ khai  - Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: | |
| a) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không?  Có  Không  Nếu CÓ, nêu rõ:  - Lý do  - Có quy định rõ cơ quan nhà nước hay người có thẩm quyền và nội dung xác nhận không?  Có  Không  Nêu rõ lý do: Quy định đã rõ ràng, đầy đủ. | | | | | | Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  - Nội dung thông tin 1:  Lý do quy định:  - Nội dung thông tin 2:  Lý do quy định: | |
| b) Tên mẫu đơn, tờ khai n: ....................................  *(trình bày như trên, nếu có)* | | | | | |  | |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** | | | | | | | |
| TTHC này có quy định yêu cầu, điều kiện không? | | | | | | Không  Có | |
| a) Yêu cầu, điều kiện 1:  Lý do quy định: | | | | | - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một TTHC khác  + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước  - Những ảnh hưởng khi thực hiện yêu cầu, điều kiện:  + Tăng chi phí (thời gian, nhân lực, tài chính)  Nêu rõ:……………………………………………………………………………  + Phân biệt đối tượng giữa các vùng, miền, khu vực, trong nước, quốc tế  Nêu rõ:………………………………….………………………………………  + Hạn chế một số đối tượng  Nêu rõ: …………………………………………………………………………..  + Khác  Nêu rõ: …………………………………………………………………………..  - Yêu cầu, điều kiện được quy định tại:  + Dự án, dự thảo  + Văn bản QPPL khác  Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: | | |
| b) Yêu cầu, điều kiện n:  *(trình bày như trên, nếu có)* | | | | |  | | |
| **11. Kết quả** | | | | | | | |
| - Giấy phép  - Giấy chứng nhận  - Giấy đăng ký  - Chứng chỉ  - Thẻ  - Quyết định hành chính  - Văn bản xác nhận/chấp thuận  - Loại khác:  Đề nghị nêu rõ: Gia hạn trực tiếp vào Giấy phép liên vận Lào – Việt Nam đã được phía Lào cấp cho tổ chức, cá nhân thuộc Lào. | | | - Có quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực: Có  Không  + Nếu CÓ, nêu thời hạn cụ thể: từ ngày cấp giấy phép đến 31/12 cùng năm.  + Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:……………………………………………….…………..  - Phạm vi có giá trị hiệu lực: Toàn quốc  Địa phương  Lý do:…………………………………………………………………………………..  - Có thể kéo dài thời hạn/ thay đổi phạm vi giá trị hiệu lực: Có  Không  Lý do: Thời gian gia hạn đã được quy định trong Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định.  - Có quy định điều kiện có hiệu lực của kết quả: Có  Không  Lý do:…………………………………………………………………………………..  - Mẫu kết quả TTHC có phù hợp về nội dung, hình thức: Có  Không  Lý do:…………………………………………………………………….…………….. | | | | |
| **12. Quy định về từng bộ phận cấu thành của TTHC có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?** | | | | | | | |
| a) Với văn bản của cơ quan cấp trên | | - Có  Không  - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận cấu thành: ……………………………………………………………………….  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: …. | | | | | |
| b) Với văn bản của cơ quan khác | | Có  Không  - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận cấu thành: …………………………………………………………………….  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ………... | | | | | |
| c) Với Điều ước quốc tế mà Việt Nam gia nhập, ký kết | | Có  Không  - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận cấu thành: ……………………………………………………………………….  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ….. | | | | | |
| **III. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | | | | | | | |
| Họ và tên người điền: Hoàng Thị Thanh Nga  Điện thoại cố định: 024.38571450; Di động: 0982318676; Email: [ngahttt.drvn@mt.gov.vn](mailto:ngahttt.drvn@mt.gov.vn) hoặc thanhngadrvn@gmail.com | | | | | | | |

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 4**:

**Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Lào cho đơn vị vận tải.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Tên thủ tục hành chính** | | | | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể không? | | | | Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: …………………………...…………………………… | | | |
| b) Có chính xác và thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính này không? | | | | Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: …………………...…………………………………… | | | |
| **2. Trình tự thực hiện** | | | | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | | | | Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………… | | | |
| b) Có được quy định hợp lý giữa các bước thực hiện để tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện? | | | | Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………… | | | |
| c) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | | | | Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………… | | | |
| d) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | | | | Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………………… | | | |
| e) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | | | | Có  Không  Nếu CÓ, nêu rõ:  - Lý do quy định:………………………………………………………………………  - Căn cứ quy định:  + Được quy định mới tại dự án, dự thảo  + Đã được quy định tại văn bản khác  Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: ……………………………………......  - Các biện pháp có thể thay thế: Có  Không  Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: …………………………… | | | |
| **3. Cách thức thực hiện** | | | | | | | |
| a) Nộp hồ sơ:  Trực tiếp  Bưu điện  Mạng  b) Nhận kết quả:  Trực tiếp  Bưu điện  Mạng | | | | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có  Không  Nêu rõ lý do:………………………………………………………………………..…  - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước,  cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có  Không  Nêu rõ lý do:………………………………………………………………………… | | | |
| **4. Hồ sơ** | | | | | | | |
| a) Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Lào của doanh nghiệp, hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục… | | | | - Nêu rõ lý do quy định: căn cứ lý do cần cấp lại Giấy phép của các doanh nghiệp, hợp tác xã. Do đó, phải có đề xuất để làm căn cứ cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Lào.  - Yêu cầu, quy cách: theo mẫu quy định tại Phụ lục ...  Lý do quy định: Để chứng minh doanh nghiệp, hợp tác xã có lý do để được cấp lại Giấy phép | | | |
| b) Bản sao Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã có đề nghị thay đổi nội dung giấy phép; | | | | - Nêu rõ lý do quy định: Hiện các doanh nghiệp, hợp tác xã phải có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô mới được phép kinh doanh vận tải.  - Yêu cầu, quy cách: Bản sao Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô  Lý do quy định: Để chứng minh doanh nghiệp, hợp tác xã được phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. | | | |
| c) Phương án kinh doanh vận tải liện vận Việt Nam – Lào theo mẫu quy định tại Phụ lục ... đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã có đề nghị thay đổi nội dung giấy phép; | | | | - Nêu rõ lý do quy định: Để đảm bảo doanh nghiệp, hợp tác xã có đủ nguồn lực thực hiện hoạt động vận tải liên vận sau khi được cấp giấy phép.  - Yêu cầu, quy cách: Theo mẫu quy định tại Phụ lục ... | | | |
| Các thành phần hồ sơ nêu trên có bao gồm đầy đủ các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC không? | | | | Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: …………………...............………………………………  ……………………………………..…………………………………………………. | | | |
| Số lượng bộ hồ sơ: 01 | | | | Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):* ……………………………………… | | | |
| **5. Thời hạn giải quyết** | | | | | | | |
|  | - Có được quy định rõ ràng và cụ thể không? Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………...…………………………………………………………  - Thời hạn: 02 ngày làm việc  *(Nêu rõ từng thời hạn nếu TTHC do nhiều cơ quan, nhiều cấp có thẩm quyền giải quyết)*  Nêu rõ lý do: ………………..…………………………………………………………………… | | | | | | |
| **6. Cơ quan thực hiện** | | | | | | | |
|  | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan thực hiện không? Có  Không  Nêu rõ lý do:…………………………………………………………………….…………………  - Có được quy định áp dụng tối đa các giải pháp phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan hành chính cấp dưới hoặc địa phương giải quyết không? Có  Không  Nêu rõ lý do: Để quản lý, trao đổi thông tin với cơ quan quản lý của Lào về số lượng đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trên địa bàn cả nước được hoạt động qua lại biên giới giũa Việt Nam và Lào. | | | | | | |
| **7. Đối tượng thực hiện** | | | | | | | |
| a) Đối tượng thực hiện:  - Tổ chức: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ: ……………………………………..  - Cá nhân: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ: ……………………………………..  b) Phạm vi áp dụng:  - Toàn quốc  Vùng  Địa phương  - Nông thôn  Đô thị  Miền núi  Biên giới, hải đảo  c) Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 300 | | | | | | - Lý do quy định:  + Về đối tượng: các doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào đã được cấp giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Lào  + Về phạm vi: Trong toàn quốc.  - Có thể mở rộng/thu hẹp đối tượng, phạm vi để tăng số đối tượng thực hiện được hưởng lợi không?: Có  Không  Nêu rõ lý do: Vì đã được quy định tại Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. | |
| **8. Phí, lệ phí** | | | | | | | |
| a) TTHC có quy định về phí, lệ phí không?  - Phí: Không  Có  Nếu CÓ, nêu rõ lý do: ………………………..…  ………………………………………………….  - Lệ phí: Không  Có  Nếu CÓ, nêu rõ lý do: | | | | | | | - Mức phí, lệ phí:  + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): …………………………..……….  + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí):  + Mức phí, lệ phí có phù hợp không: Có  Không  Lý do: ………………………………………………..…………………  - Mức phí, lệ phí được quy định tại:  + Dự án, dự thảo  + Văn bản khác  (i) Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:  (ii) Nếu chưa ban hành, nêu rõ lý do: ………………….……………… |
| b) Ngoài phí, lệ phí cá nhân, tổ chức có các chi trả nào khác? Không  Có  Nếu CÓ, nội dung này được quy định tại:  - Dự thảo  - Văn bản khác  Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng:…. | | | | | | | - Nội dung chi trả: ………………………..……………………………  Lý do chi trả: ……………………………………………….………….  - Mức chi trả: ………………………………………………….…………  Mức chi trả này có phù hợp không: Có  Không  Lý do: …………………………………………………………………… |
| c) Dự kiến chi phí tuân thủ TTHC: | | | | | | | Mức chi phí này có phù hợp không: Có  Không  Lý do:…………………………………………………………………… |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | | | | | | | |
| TTHC có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | | | | | | Có  Không  - Nếu CÓ, quy định về: Mẫu đơn  Tờ khai  - Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do: đây là thành phần hồ sơ. | |
| a) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không?  Có  Không  Nếu CÓ, nêu rõ:  - Lý do  - Có quy định rõ cơ quan nhà nước hay người có thẩm quyền và nội dung xác nhận không?  Có  Không  Nêu rõ lý do: Quy định đã rõ ràng, đầy đủ. | | | | | | Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  - Nội dung thông tin 1:  Lý do quy định:  - Nội dung thông tin 2:  Lý do quy định: | |
| b) Tên mẫu đơn, tờ khai: ....................................  *(trình bày như trên, nếu có)* | | | | | |  | |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** | | | | | | | |
| TTHC này có quy định yêu cầu, điều kiện không? | | | | | | Không  Có | |
| a) Yêu cầu, điều kiện 1: Là doanh nghiệp, Hợp tác xã đã được cấp giấy phép kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế.  Lý do quy định: Vì chưa có giấy phép kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế thì không thực hiện thủ tục cấp lại. | | | | | - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một TTHC khác  + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước  - Những ảnh hưởng khi thực hiện yêu cầu, điều kiện:  + Tăng chi phí (thời gian, nhân lực, tài chính)  Nêu rõ:……………………………………………………………………………  + Phân biệt đối tượng giữa các vùng, miền, khu vực, trong nước, quốc tế  Nêu rõ:………………………………….………………………………………  + Hạn chế một số đối tượng  Nêu rõ: …………………………………………………………………………..  + Khác  Nêu rõ: …………………………………………………………………………..  - Yêu cầu, điều kiện được quy định tại:  + Dự án, dự thảo  + Văn bản QPPL khác  Nêu rõ điều, khoản và tên văn bản tương ứng: | | |
| b) Yêu cầu, điều kiện n:  *(trình bày như trên, nếu có)* | | | | |  | | |
| **11. Kết quả** | | | | | | | |
| - Giấy phép  - Giấy chứng nhận  - Giấy đăng ký  - Chứng chỉ  - Thẻ  - Quyết định hành chính  - Văn bản xác nhận/chấp thuận  - Loại khác:  Đề nghị nêu rõ: ………………… | | | - Có quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực: Có  Không  + Nếu CÓ, nêu thời hạn cụ thể: 05 năm kể từ ngày cấp giấy phép.  + Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:……………………………………………….…………..  - Phạm vi có giá trị hiệu lực: Toàn quốc  Địa phương  Lý do:…………………………………………………………………………………..  - Có thể kéo dài thời hạn/ thay đổi phạm vi giá trị hiệu lực: Có  Không  Lý do: Khi hết thời hạn hoặc thay đổi phạm vi giá trị hiệu lực thì đoan vị kinh doanh vận tải đề nghị xin cấp lại giấy phép khác.  - Có quy định điều kiện có hiệu lực của kết quả: Có  Không  Lý do:…………………………………………………………………………………..  - Mẫu kết quả TTHC có phù hợp về nội dung, hình thức: Có  Không  Lý do:…………………………………………………………………….…………….. | | | | |
| **12. Quy định về từng bộ phận cấu thành của TTHC có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?** | | | | | | | |
| a) Với văn bản của cơ quan cấp trên | | - Có  Không  - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận cấu thành: ……………………………………………………………………….  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: …. | | | | | |
| b) Với văn bản của cơ quan khác | | Có  Không  - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận cấu thành: …………………………………………………………………….  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ………... | | | | | |
| c) Với Điều ước quốc tế mà Việt Nam gia nhập, ký kết | | Có  Không  - Nếu CÓ, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận cấu thành: ……………………………………………………………………….  + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng và lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ….. | | | | | |
| **III. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | | | | | | | |
| Họ và tên người điền: Hoàng Thị Thanh Nga  Điện thoại cố định: 024.38571450; Di động: 0982318676; Email: [ngahttt.drvn@mt.gov.vn](mailto:ngahttt.drvn@mt.gov.vn) hoặc thanhngadrvn@gmail.com | | | | | | | |